

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-5-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn;

Ông Đàm Công Du.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 528/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 565/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994, trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M xây dựng hạnh phúc với nhau được tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 10 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống tại thôn Đ, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 01 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không có chung quan điểm anh M không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con, anh M chơi bời cờ bạc thường xuyên đi qua đêm và vay nợ chi tiêu cho cá nhân anh và mang tài sản (xe máy của chị) cầm cố để chơi bời cờ bạc. Bố mẹ anh M đã nhiều lần trả nợ cho anh. Chị và gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng anh M không thay đổi cách sống. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ để ở thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng ở từ cuối tháng 12 năm 2017 và sống ly thân với anh M từ đó đến nay. Chị xét tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2016. Ly hôn chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị và anh Nguyễn Văn M không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn M từ khi thụ lý vụ án đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến tòa để giải quyết vụ án nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do nên anh không có lời khai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Chị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn M không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 19, 51, 56, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn M; về con chung: Chị H và anh M có 01 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2016. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị giao con Nguyễn Đức H cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, Chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn M.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn M xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 10 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh M không quan tâm, chăm lo cho gia đình, vợ con, anh chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần. Anh chị mâu thuẫn được hai bên gia đình kết hợp hòa giải nhưng không có kết quả, Chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng ở và sống ly thân với anh M từ tháng 12 năm 2017 đến nay, hai bên không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Căn cứ vào các tài liệu xác M tại địa phương và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cho thấy Chị H và anh M chung sống xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh M là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh M có 01 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2016. Ly hôn Chị H đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Xét hiện nay Chị H đang nuôi dưỡng con chung, Chị H có công việc có lương ổn định. Cháu Nguyễn Đức H hiện dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ nên giao con Nguyễn Đức H cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh M không có, Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.
2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng con Nguyễn Đức H, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Văn M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002770 ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn

